



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Nền móng - 1103017

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110301702

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060044	Bùi Văn	Đức	10/03/1993	<i>Bùi Đức</i>	5	Năm	C13XD2	
2	1110060046	Nguyễn Hoàng	Phát	09/09/1993	<i>Nguyễn Hoàng Phát</i>	6	Sáu	C13XD2	
3	1110060049	Trần Hoàng	Phúc	27/06/1992	<i>Trần Hoàng Phúc</i>	6	Sáu	C13XD2	
4	1110060047	Phạm Hoàng	Phương	17/11/1993	<i>Phạm Hoàng Phương</i>	6	Sáu	C13XD2	
5	1110060048	Huỳnh Văn	Phước	07/06/1990	<i>Huỳnh Văn Phước</i>	5	Năm	C13XD2	
6	1110060050	Hồ	Quý	08/01/1992	<i>Hồ Quý</i>	5	Năm	C13XD2	
7	1110060051	Nguyễn Ngọc	Son	24/11/1993	<i>Nguyễn Ngọc Sơn</i>	5	Năm	C13XD2	
8	1110060052	Nguyễn Ngọc	Son	25/11/1992	<i>Nguyễn Ngọc Sơn</i>	5	Năm	C13XD2	
9	1110060055	Đặng Đức	Tài	06/08/1992	<i>Đặng Đức Tài</i>	5	Năm	C13XD2	
10	1110060054	Phan Thành	Tài	07/07/1992	<i>Phan Thành Tài</i>	5	Năm	C13XD2	
11	1110060053	Tạ Minh	Tấn	25/03/1993	<i>Tạ Minh Tấn</i>	5	Năm	C13XD2	
12	1110060060	Nguyễn Minh	Thành	17/12/1989	<i>Nguyễn Minh Thành</i>	6	Sáu	C13XD2	
13	1110060059	Trần Văn	Thành	11/05/1993	<i>Trần Văn Thành</i>	5	Năm	C13XD2	
14	1110060058	Nguyễn Trần Anh	Thắng	24/09/1993	<i>Nguyễn Trần Anh Thắng</i>	6	Sáu	C13XD2	
15	1110060056	Võ Bách	Thắng	01/01/1993	<i>Võ Bách Thắng</i>	6	Sáu	C13XD2	
16	1110060057	Vũ	Thắng	20/11/1993	<i>Vũ Thắng</i>	5	Năm	C13XD2	
17	1110060061	Nguyễn Chon	Thiên	18/04/1990	<i>Nguyễn Chon Thiên</i>	5	Năm	C13XD2	
18	1110060062	Trần Nam	Thiên	04/12/1992	<i>Trần Nam Thiên</i>	5	Năm	C13XD2	
19	1110060063	Bùi Thọ	Thiện	26/04/1993	<i>Bùi Thọ Thiện</i>	6	Sáu	C13XD2	
20	1110060064	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/09/1992	<i>Nguyễn Ngọc Thiện</i>	5	Năm	C13XD2	
21	1110060066	Huỳnh Đình	Thủ	26/10/1992	<i>Huỳnh Đình Thủ</i>	5	Năm	C13XD2	
22	1110060065	Nguyễn Trí	Thức	17/05/1993	<i>Nguyễn Trí Thức</i>	5	Năm	C13XD2	
23	1110060067	Huỳnh	Tiến	16/09/1993	<i>Huỳnh Tiến</i>	6	Sáu	C13XD2	
24	1110060069	Phạm Trung	Tín	09/03/1993	<i>Phạm Trung Tín</i>	5	Năm	C13XD2	
25	1110060070	Nguyễn Văn	Tol	28/03/1993	<i>Nguyễn Văn Tol</i>	5	Năm	C13XD2	
26	1110060071	Lê Thị Minh	Trang	19/06/1993	<i>Lê Thị Minh Trang</i>	5	Năm	C13XD2	
27	1110060075	Nguyễn Đình	Triều	19/09/1993	<i>Nguyễn Đình Triều</i>	5	Năm	C13XD2	
28	1110060072	Dương Thanh Cao	Trí	02/08/1992	<i>Dương Thanh Cao Trí</i>	5	Năm	C13XD2	
29	1110060073	Kiều Hữu	Trí	16/02/1993	<i>Kiều Hữu Trí</i>	5	Năm	C13XD2	
30	1110060078	Bùi Đức	Trung	12/03/1989	<i>Bùi Đức Trung</i>	6	Sáu	C13XD2	
31	1110060076	Lê Bá	Trung	22/02/1993	<i>Lê Bá Trung</i>	5	Năm	C13XD2	
32	1110060077	Trần Văn	Trung	29/10/1992	<i>Trần Văn Trung</i>	5	Năm	C13XD2	
33	1110060080	Huỳnh Thanh	Tùng	09/01/1991	<i>Huỳnh Thanh Tùng</i>	5	Năm	C13XD2	
34	1110060081	Võ Minh	Tùng	10/12/1993	<i>Võ Minh Tùng</i>	6	Sáu	C13XD2	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
5	1110060079	Võ Thanh Tùng	24/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	
36	1110060082	Đặng Văn Việt	09/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	
37	1110060083	Tạ Ngọc Vinh	16/01/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	
38	1110060085	Nguyễn Hoàng Vũ	26/10/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	<i>[Signature]</i>
39	1110060086	Trương Quốc Vũ	28/09/1992	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	
40	1110060084	Hồ Đặng Khánh Vương	14/10/1993	<i>[Signature]</i>	5	Năm	C13XD2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Nền móng - 1103017

Giám thị 1: Phú Thuận Ký tên: Phu

Mã lớp học phần: 110301702

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Kim Liên Ký tên: Kim

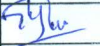
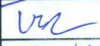




Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 09/12/13 Giờ thi: 9h40 Phòng thi: A1-M

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060044	Bùi Văn Đức	10/03/1993	<u>Bui</u>	1	4,5	Bài viết	C13XD2	
2	1110060046	Nguyễn Hoàng Phát	09/09/1993	<u>Bui</u>	1	5,5	Năm viết	C13XD2	
3	1110060049	Trần Hoàng Phúc	27/06/1992	<u>Phu</u>	1	5	Năm	C13XD2	
4	1110060047	Phạm Hoàng Phương	17/11/1993	<u>Phu</u>	1	5,5	Năm viết	C13XD2	
5	1110060048	Huỳnh Văn Phước	07/06/1990	<u>Phuoc</u>	1	4	Bài	C13XD2	
6	1110060050	Hồ Quý	08/01/1992	<u>Hu</u>	2	4	Bài	C13XD2	
7	1110060051	Nguyễn Ngọc Sơn	24/11/1993	<u>Son</u>	1	4,5	Bài viết	C13XD2	
8	1110060052	Nguyễn Ngọc Sơn	25/11/1992	<u>Son</u>	1	4	Bài	C13XD2	
9	1110060055	Đặng Đức Tài	06/08/1992	<u>Tai</u>	2	4	Bài	C13XD2	
10	1110060054	Phan Thành Tài	07/07/1992	<u>Tai</u>	2	4	Bài	C13XD2	
11	1110060053	Tạ Minh Tấn	25/03/1993	<u>Tat</u>	1	5	Năm	C13XD2	
12	1110060060	Nguyễn Minh Thành	17/12/1989	<u>Thanh</u>	1	5,5	Năm viết	C13XD2	
13	1110060059	Trần Văn Thành	11/05/1993	<u>Thanh</u>	1	4	Bài	C13XD2	
14	1110060058	Nguyễn Trần Anh Thắng	24/09/1993	<u>Thanh</u>	2	5	Năm	C13XD2	
15	1110060056	Võ Bách Thắng	01/01/1993	<u>Thanh</u>	2	5	Năm	C13XD2	
16	1110060057	Vũ Thắng	20/11/1993	<u>Thanh</u>	1	4	Bài	C13XD2	
17	1110060061	Nguyễn Chơn Thiên	18/04/1990	<u>Thanh</u>	1	5	Năm	C13XD2	
18	1110060062	Trần Nam Thiên	04/12/1992	<u>Thanh</u>	2	6	Sáu	C13XD2	
19	1110060063	Bùi Thọ Thiện	26/04/1993	<u>Thanh</u>	1	6,5	Sáu viết	C13XD2	
20	1110060064	Nguyễn Ngọc Thiện	20/09/1992	<u>Thanh</u>	1	4	Bài	C13XD2	
21	1110060066	Huỳnh Đình Thú	26/10/1992	<u>Thu</u>	1	3	Ba	C13XD2	
22	1110060065	Nguyễn Trí Thúc	17/05/1993	<u>Thu</u>	1	1	Một	C13XD2	
23	1110060067	Huỳnh Tiến	16/09/1993	<u>Thu</u>	2	5	Năm	C13XD2	
24	1110060069	Phạm Trung Tín	09/03/1993					C13XD2	✓
25	1110060070	Nguyễn Văn Tol	28/03/1993	<u>Tol</u>	1	3	Ba	C13XD2	
26	1110060071	Lê Thị Minh Trang	19/06/1993	<u>Trang</u>	1	5	Năm	C13XD2	
27	1110060075	Nguyễn Đình Triều	19/09/1993	<u>Triu</u>	1	3	Ba	C13XD2	
28	1110060072	Dương Thanh Cao Trí	02/08/1992	<u>Triu</u>	2	5	Năm	C13XD2	
29	1110060073	Kiều Hữu Trí	16/02/1993	<u>Triu</u>	1	3	Ba	C13XD2	
30	1110060078	Bùi Đức Trung	12/03/1989	<u>Trung</u>	3	6,5	Sáu viết	C13XD2	
31	1110060076	Lê Bá Trung	22/02/1993	<u>Trung</u>	2	4	Bài	C13XD2	
32	1110060077	Trần Văn Trung	29/10/1992	<u>Trung</u>	2	4	Bài	C13XD2	
33	1110060080	Huỳnh Thanh Tùng	09/01/1991	<u>Tung</u>	1	1	Một	C13XD2	
34	1110060081	Võ Minh Tùng	10/12/1993	<u>Tung</u>	2	5	Năm	C13XD2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110060079	Võ Thanh Tùng	24/08/1993		1	3	Ba	C13XD2	
36	1110060082	Đặng Văn Việt	09/08/1993		1	4	Bốn	C13XD2	
37	1110060083	Tạ Ngọc Vinh	16/01/1993		1	5,5	Năm rưỡi	C13XD2	
38	1110060085	Nguyễn Hoàng Vũ	26/10/1993		1	3	Ba	C13XD2	
39	1110060086	Trương Quốc Vũ	28/09/1992		1	4	Bốn	C13XD2	
40	1110060084	Hồ Đặng Khánh Vương	14/10/1993		1	6	Sáu	C13XD2	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.